

Bản án số: 03/2026/HS-PT

Ngày: 06 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh Giang

Các Thẩm phán: 1. Ông Võ Văn Ngẫu;

2. Ông Trần Thanh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Út Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 196/2025/TLPT-HS, ngày 04 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Lưu Thị Phương M do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh.

Bị cáo bị kháng nghị:

Lưu Thị Phương M, sinh năm 1984, tại Tây Ninh. Nơi đăng ký thường trú: 11/1 hẻm D Cách Mạng tháng T, Tổ D, Khu phố F, phường T, tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: chưa biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn N, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án:

+ Bản án số 38/2011/HSST ngày 06-6-2011 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, xử phạt bị cáo Lưu Thị Phương M 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích.

+ Bản án số 165/2012/HSST ngày 14-9-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xử phạt bị cáo Lưu Thị Phương M 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 07(bảy)tháng tù tại Bản án số 38/2011/HSST ngày 06-6-2011 của

Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, bị cáo M phải chấp hành chung hình là 01(một) năm 04 (bốn) tháng tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 29-8-2014, chưa được xóa án tích.

+ Bản án số 93/2017/HSST ngày 30-8-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xử phạt bị cáo Lưu Thị Phương M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 11-5-2020, chưa được xóa án tích.

+ Bản án số 126/2020/HSST ngày 19-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, xử phạt bị cáo Lưu Thị Phương M 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 13-9-2024, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-6-2025 cho đến nay. (có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị. Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, từ ngày 09-6-2025 đến ngày 14-6-2025, bị cáo Lưu Thị Phương M đã 02 lần lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 09-6-2025, bị cáo Lưu Thị Phương M một mình điều khiển xe mô tô biển số 70F1-985.58 đến trước nhà bị hại Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1965, địa chỉ: Số H đường H C, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh, thấy không có người trông coi nên bị cáo vào trong nhà lén lút lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X và 01 bóp da màu đen để trên ghế sofa, bên trong bóp có 250.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản, bị cáo đem điện thoại đến tiệm điện thoại di động “Hiếu” trên đường C tháng T, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh gặp bà Ngô Thị D là chủ cửa hàng và cầm được số tiền 1.200.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 14-6-2025, bị cáo Lưu Thị Phương M một mình điều khiển xe mô tô biển số 70F1-985.58 đi đến trước nhà bị hại Lê Thị Thanh L, sinh năm 1989, địa chỉ: Số G đường Đ, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh, thấy không có người trông coi nên bị cáo M vào trong lén lút lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro, phía sau bên trong ốp lưng có 500.000 đồng và 01 bóp da màu đen để trong chiếc quần dài của ông Lê Thanh H1, sinh năm 1968, địa chỉ: Số G T, khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh, bên trong có 10.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản, bị cáo đem điện thoại đến tiệm điện thoại di động “Hiếu” trên đường C tháng T, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh gặp ông Phan Thanh D1 là chủ cửa hàng và cầm được số tiền 1.200.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị mất tài sản, các bị hại đã làm đơn gửi Công an, ngày 16-6-2025, tại Công an phường H (nay là công an phường T) bị cáo M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, giao nộp 02 ví da màu đen, công an thu giữ của bị cáo số tiền 200.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG-TTHS ngày 19-6-2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh kết luận:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, đã qua sử dụng, trị giá 3.000.000 đồng.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro, dung lượng 128GB, màu vàng, đã qua sử dụng, trị giá 6.500.000 đồng.

+ 01 Bóp da màu đen mất ngày 19/6/2025 và 01 Bóp da màu đen mất ngày 14/6/2025 đều không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng, không đủ cơ sở định giá.

Kết luận giám định số 1120/KL-KTHS ngày 10/7/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: 01 tờ tiền polymer mệnh giá 200.000 đồng gửi đến giám định là tiền thật.

Kết luận giám định số 1119/KL-KTHS ngày 25/7/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: 01 xe mô tô biển số 70F1-985.98 số khung, số máy không bị đục xóa.

Tại Bản án số 50/2025/HSST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh, đã xử:

Tuyên bố bị cáo **Lưu Thị Phương M** phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Thị Phương M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 16-6-2025.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

*** Nội dung kháng nghị:**

Tại Kháng nghị số 01/QĐ-VKSKV 10 ngày 07-10-2025 của Viện kiểm sát Khu vực 10 – Tây Ninh có nội dung: Bị cáo M đã có 04 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên 2.000.000 đồng, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nhưng bản án sơ thẩm lại áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật hình sự. Từ đó, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi

phạm tội và nhân thân của bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến: giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh.

Bị cáo M không có ý kiến về kháng nghị.

Trong phần tranh luận, Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, đề nghị: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng: căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét về phần hình phạt cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07-10-2025 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh ra Quyết định Kháng nghị số 01/QĐ-VKSKV10, qua xem xét Quyết định kháng nghị đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 336, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.1] Về lý lịch tư pháp: Tại phiên tòa bị cáo trình bày chồng tên Trần Minh T1, sống chung không có đăng ký kết hôn và không còn sống chung đã lâu, phù hợp lý lịch bị can, Bản kết luận điều tra.

[1.2] Quá trình thu thập chứng cứ thể hiện: Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 06/KL-VPYTW ngày 05-01-2017 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B thể hiện bị cáo Lưu Thị Phương M bị bệnh Rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn / Động kinh (F 07.8/G 40 – ICD.10). Bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Thời điểm hoàn thành việc giám định là 11 giờ ngày 20-12-2016. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M xác định trước đây vào năm 2017 có bị bệnh động kinh, quá trình uống thuốc điều trị hiện tại bị cáo đã hết bệnh, nghe và trả lời nhận thức đầy đủ câu hỏi của Hội đồng xét xử cũng như quá trình làm việc của cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Qua xem xét các biên bản ghi lời khai, biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, bản ảnh hiện trường bị cáo M trả lời và xác định

đúng, chính xác phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do cơ quan tiến hành tố tụng thu thập đúng trình tự thủ tục theo Điều 105 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện như sau:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 09-6-2025 đến ngày 14-6-2025 bị cáo M lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản đã lén lút vào nhà của bị hại Trần Thị Hồng Đ chiếm đoạt 01 điện thoại di động và 01 bóp da, tổng trị giá 3.250.000 đồng và lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Lê Thị Thanh L là 01 điện thoại di động, 500.000 đồng và 01 bóp da màu đen, tổng trị giá là 7.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của hai lần chiếm đoạt là 10.250.000 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh, thấy rằng;

[3.1] Về điều luật áp dụng:

- Tại Bản án số 38/2011/HSST ngày 06-6-2011 của Tòa án nhân dân Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai), đã xử: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của bộ luật Hình sự (năm 1999), xử phạt bị cáo Lưu Thị Phương M 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 13 (mười ba) tháng 15 (mười lăm) ngày về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tại Bản án số 165/2012/HSPT ngày 14-9-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Thị Phương M 09(chín) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt theo Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với Bản án số 38/2011/HSST ngày 06-6-2011 bị cáo M phải thi hành 07 (bảy) tháng tù. Buộc bị cáo M chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01(một) năm 04 (bốn) tháng tù. Trong vụ án lần này bị cáo M thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 4.105.000 đồng vào ngày 13-5-2012 là phạm tội trong thời gian thử thách, lần kết án này đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo chấp hành xong án phí vào ngày 18-02-2013, chấp hành xong hình phạt vào ngày 29-8-2014. Đến 29-8-2016 đương nhiên xóa án tích, nhưng chưa được xóa án tích, vào ngày 18-4-2016 bị cáo tiếp tục phạm tội mới.

- Tại Bản án số 193/2017/HSPT ngày 30-8-20217 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, đã xử: áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm b, n, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo M 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, (bị cáo đã bồi thường xong số tiền chiếm đoạt. Trong vụ này bị cáo đã thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản trong

khoảng thời gian từ 18-4-2016 đến tháng 10-2016, có 05 lần đủ định lượng trộm trên 2.000.000 đồng). Lần kết án này đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 11-5-2020. Tính đến 11-5-2022 đương nhiên xóa án tích, nhưng chưa được xóa án tích vào ngày 29-6-2020 bị cáo tiếp tục phạm tội mới.

- Tại Bản án 126/2020/HSST ngày 19-11-2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Tây Ninh (nay là Tòa án Khu vực 10 – Tây Ninh), đã xử: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo M 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.750.000 đồng. Lần kết án này đã áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là “tái phạm nguy hiểm” (lần 2) là tình tiết định khung hình phạt. Chấp hành án ra trại vào ngày 13-9-2024. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự về đương nhiên xóa án tích thì thời hạn xóa án là 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt, tính đến 13-9-2026 bị cáo được xóa án tích, nhưng vào ngày 09-6-2025 bị cáo tiếp tục chiếm đoạt tài sản của bà Đ và ngày 14-6-2025 bị cáo tiếp tục chiếm đoạt tài sản của bà L. Do đó, lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo là không chuẩn xác về áp dụng pháp luật. Viện kiểm sát kháng nghị về nội dung này là có căn cứ.

[3.2] Xét về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo M: Bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Đ trị giá 3.250.000 đồng và chiếm đoạt của bà L trị giá 7.000.000 đồng, bị hại L đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường. Xét mức án đã xử 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là trên mức khởi điểm khung hình phạt, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, không có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh về nội dung này.

[3.3] Từ đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh về điều luật áp dụng đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần Kháng nghị số 01/QĐ-VKSKV10 ngày 07-10-2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 50/2025/HS-ST ngày 23-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

2/ Tuyên bố bị cáo Lưu Thị Phương M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lưu Thị Phương M 02 (năm) 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16-6-2025.

3/ Án phí: Bị cáo M không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I. TANDTC tại Hà Nội;
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM
- Viện Công tố & KSXX phúc thẩm tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10-Tây Ninh;
- TAND KV 10 – Tây Ninh;
- THADS KV 10- Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Giang